TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/11/2019
V/v: Tranh chấp về HN và GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Tuyết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Đức Toàn
2. Bà Đặng Thị Việt Hoài.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1978.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn M, sinh năm 1966.

Đều cư trú tại: Thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị L, anh M).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1993 chị L và anh M được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, khi đó chị L chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn, khi chị L đủ tuổi, chị L và anh M cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2015 hai người thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, chị L chịu đựng

chung sống với anh M để nuôi dạy hai con ăn, học. Từ năm 2015 cho đến nay chị L bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn N, xã V ở không chung sống với anh M nữa. Nay chị L làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận chị L và anh M là vợ chồng.

- Về con: Chị L và anh M có hai con chung là con Hà Văn G, sinh ngày 25/12/1995 và con Hà Đức K, sinh ngày 26/4/2005. Anh M và chị L không chung sống với nhau nữa, con G đã trưởng thành, tự lập được về kinh tế chị L không có yêu cầu gì. Con K, chị L nhường cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng vì con K đang ở ổn định với anh M.

- Về tài sản: Chị L và anh M có tài sản chung, không vay nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản gì. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và vay nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Văn M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị L có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, hai người chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Năm 2015 chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở khoảng 06 tháng, anh M đã nhiều lần tìm chị L về cùng chăm sóc con nhưng chị L không về mà bỏ nhà mẹ đẻ đi luôn cho đến nay. Nay chị L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận anh M và chị L là vợ chồng, anh M đồng ý.

- Về con: Anh M và chị L có hai con chung là con Hà Văn G, sinh ngày 25/12/1995 và con Hà Đức K, sinh ngày 26/4/2005. Vợ chồng không chung sống với nhau nữa, con G đã trưởng thành tự lập được về kinh tế, anh M không có yêu cầu gì. Anh M xin được trực tiếp nuôi dưỡng con K và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con K.

- Về tài sản: Anh M và chị L có tài sản chung, không vay nợ chung tài sản của ai, không cho ai vay tài sản gì. Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và vay nợ.

** Quá trình xác minh, địa phương cung cấp*: Chị Trần Thị Kim L và anh Hà Văn M có thời gian chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2015, do có mâu thuẫn chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn N, xã V ở từ năm 2015 cho đến nay.

Từ năm 1999 trở về trước UBND xã Vũ Đông không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn. Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 2000 đến nay anh M và chị L không đăng ký kết hôn nên UBND xã Vũ Đông không xác định được anh M và chị L có đăng ký kết hôn hay không.

Quá trình chung sống anh M và chị L có hai con chung là con Hà Văn G, sinh ngày 25/12/1995 và con Hà Đức K, sinh ngày 26/4/2005, hiện tại con K đang ở với anh M. Về tài sản chung và nợ của chị L và anh M địa phương không biết. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án không công nhận chị L và anh M là vợ chồng, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Trần Thị Kim L và anh Hà Văn M là vợ chồng;

- Về con: Giao cho anh Hà Văn M trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Đức K, sinh ngày 26/4/2005, anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1993 chị L và anh M được được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Anh M và chị L đều thống nhất trình bày anh chị chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2015 không có đăng ký kết hôn.

1.1. Trong quá trình chung sống:

- Theo chị L trình bày là cuộc sống chung nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, chị L chịu đựng chung sống với anh M để nuôi dạy hai con ăn học. Từ năm 2015 cho đến nay chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở không chung sống với anh M nữa. Nay chị L đề nghị Tòa án không công nhận chị L và anh M là vợ chồng.

- Theo anh M trình bày là cuộc chung sống không xảy ra mâu thuẫn. Năm 2015 chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh M đã nhiều lần tìm chị L về nhưng chị L

không về mà bỏ nhà mẹ đẻ đi luôn cho đến nay. Nay chị L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận anh M và chị L là vợ chồng, anh M đồng ý.

1.2. Xét thấy, trên thực tế cuộc sống chung giữa chị L và anh M đã không còn tồn tại, tình yêu thương của chị L đối với anh M không còn, đến thời điểm chị L làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chị L và anh M là vợ chồng thì chị L và anh M vẫn chưa đăng ký kết hôn, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án xử không công nhận chị Trần Thị Kim L và anh Hà Văn M là vợ chồng.

[2] Về nuôi con: Chị L và anh M có hai con chung là con Hà Văn G, sinh ngày 25/12/1995 và con Hà Đức K, sinh ngày 26/4/2005. Con G đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết. Anh M và chị L không chung sống với nhau nữa, anh M xin được trực tiếp nuôi dưỡng con K và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, con K có nguyện vọng được ở với anh M, chị L đồng ý. Tòa án cần chấp nhận nguyện vọng của các đương sự.

[3] Về tài sản: Chị L và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải nộp tiền án phí vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Trần Thị Kim L và anh Hà Văn M là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Giao cho anh Hà Văn M trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Đức K, sinh ngày 26/4/2005, anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh M có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải nộp 300.000đồng án phí vụ án về hôn nhân và gia đình. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số 0009976 ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí cho chị L.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim L và anh Hà Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THA thành phố Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thị Tuyết